

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Dung
Bà Tạ Thị Thà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2021/TLST-DS ngày 09/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-DS ngày 27/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-DS ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (A);

Trụ sở: x, phường y, Quận z, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị T - Giám đốc Xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Nguyễn Phương A (theo Giấy ủy quyền số 785/UQ-CNTL.22 ngày 19/7/2022) (có mặt bà Phương Anh).

Địa chỉ liên hệ: số x, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: số nhà x, ngõ y, Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A (A) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thu H căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015, gồm các nội dung chủ yếu: số tiền cho vay: 70.000.000 đồng, phương thức giải ngân: chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 204732589 của bà Nguyễn Thu H tại A, thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, mục đích cho vay: UIL- tiêu dùng tín chấp- Hỗ trợ tiêu dùng có hợp tác công ty- Tiêu dùng, phương thức cho vay: cho vay từng lần, lãi suất trong hạn: 8,00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng cấp tín dụng thì ngày 06/10/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho bà H toàn bộ số tiền vay là 70.000.000 đồng theo Phiếu giải ngân chuyển khoản vào tài khoản số 204732589 của bà Nguyễn Thu H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ ngày 25/4/2018 bà Nguyễn Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng nêu trên và Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 21/3/2019. Tính đến ngày 09/6/2022 bà Nguyễn Thu H đã trả được cho A tổng số tiền là 59.675.010 đồng, bao gồm 45.208.333 đồng nợ gốc và 14.466.677 đồng nợ lãi.

Tính đến ngày 09/6/2022, bà Nguyễn Thu H còn nợ A tổng số tiền là 43.506.003 đồng, bao gồm: 24.791.667 đồng nợ gốc, 5.133.337 đồng nợ lãi trong hạn, 9.718.337 đồng lãi quá hạn và 3.862.662 đồng phạt chậm trả.

Nay Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thu H phải trả cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 09/6/2022 là 43.506.003 đồng, trong đó gồm: 24.791.667 đồng nợ gốc, 5.133.337 đồng nợ lãi trong hạn, 9.718.337 đồng lãi quá hạn và 3.862.662 đồng phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Bà Nguyễn Thu H phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015 kể từ ngày 10/6/2022 cho đến khi bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thu H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H trả số tiền phạt chậm trả là 3.862.662 đồng; yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015 tính đến ngày 29/8/2022 là 40.312.717 đồng, gồm: nợ gốc là 24.791.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.133.337 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.387.713 đồng và tiếp tục tính lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bà H thực tế thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm về thời hạn nhưng là lý do khách quan nên chỉ rút kinh nghiệm tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là có căn cứ. Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả tiền phạt chậm trả là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc là 24.791.667 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.133.337 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.387.713 đồng. Về án phí: bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A (A) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thu H. Bà Nguyễn Thu H hiện cư trú tại: số nhà x, ngõ y, Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn là bà Nguyễn Thu H không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thu H.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021, Ngân hàng A khởi kiện bà Nguyễn Thu H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và thanh toán số tiền phạt chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015 tính đến thời điểm khởi kiện là 3.862.662 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi bà H trả số tiền phạt chậm trả là 3.862.662 đồng.

Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

[4] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 06/10/2015 Ngân hàng A và bà Nguyễn Thu H ký Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 (số tài khoản vay 204772729), thỏa thuận về các nội dung chủ yếu: số tiền vay: 70.000.000 đồng; giải ngân: toàn bộ số tiền vay được giải ngân một lần ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại A của bà Nguyễn Thu H, số tài khoản tiền gửi là 204732589; thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; mục đích vay: UIL- Tiêu dùng tín chấp- Hỗ trợ tiêu dùng có hợp tác công ty- Tiêu dùng; lãi suất trong hạn: 8,00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Thanh toán nợ vay: nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ hạn, kỳ hạn trả nợ: hàng tháng hoặc hàng quý, A có quyền quyết định lựa chọn kỳ hạn trả nợ và thông báo cho bên cấp tín dụng, nếu theo tháng, bên được cấp tín dụng phải thanh toán tiền góp (bao gồm nợ gốc và lãi) hàng tháng cho A, ngày trả nợ tương ứng ngày nhận tiền vay, số tiền trả góp hàng tháng = $\text{nợ gốc}/\text{thời hạn vay} + (\text{nợ gốc} \times \text{lãi suất trong hạn})/12$; nếu theo quý, bên được cấp tín dụng phải thanh toán nợ vay hàng quý cho A, việc trả nợ vay được thực hiện vào tháng đầu tiên của quý, vào ngày tương ứng ngày nhận tiền vay, số tiền trả góp hàng quý = $3 \times (\text{nợ gốc}/\text{thời hạn vay} + (\text{nợ gốc} \times \text{lãi suất trong hạn})/12)$.

Xét hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[5] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 06/10/2015 Ngân hàng A đã giải ngân cho bà Nguyễn Thu H vay tiền theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của bà H thông qua Phiếu giải ngân chuyển khoản với số tiền gốc được vay là 70.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của bà H tại A ngày 06/10/2015 theo đúng thỏa thuận. Cùng ngày 06/10/2015, Ngân hàng A ra

Thông báo lịch trả nợ vay, đã thông báo cho bà H phải thanh toán số tiền góp bao gồm nợ gốc và lãi cho Ngân hàng vào đúng ngày 25 hàng tháng, với số tiền trả góp hàng tháng là 1.925.000 đồng (gồm 1.458.333 đồng tiền gốc và 466.667 đồng tiền lãi).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015, bà H đã trả được 45.208.333 đồng tiền gốc, đến kỳ ngày 25/4/2018 bà Nguyễn Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, số tiền gốc bà H chưa trả là 24.791.667 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm vào Điều 5 của Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015 nên ngày 21/02/2019 Ngân hàng A đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 21/3/2019 Ngân hàng A đã ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chuyển khoản vay của bà H sang nợ quá hạn kể từ ngày 21/3/2019 và bà H phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay trong hạn kể từ thời điểm này.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà H phải trả số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 24.791.667 đồng. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A, buộc bà H phải trả Ngân hàng A số nợ gốc là 24.791.667 đồng.

[6] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015, Bảng tính lãi do Ngân hàng A cung cấp, Tòa án xác định việc trả tiền lãi của bà H tính đến ngày 29/8/2022 như sau: số tiền lãi đã trả là 14.466.677 đồng, bị chuyển quá hạn từ ngày 21/3/2019, số tiền lãi trong hạn chưa trả là 5.133.337 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa trả là 10.387.713 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà H trả số tiền lãi trong hạn là 5.133.337 đồng và số tiền lãi quá hạn là 10.387.713 đồng, Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng A tính số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của các bên. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc bà H trả số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29/8/2022, bao gồm tiền lãi trong hạn là 5.133.337 đồng, tiền lãi quá hạn là 10.387.713 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, bà Nguyễn Thu H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.015.635 đồng; trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 986.210 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc đòi bà Nguyễn Thu H trả số tiền phạt chậm trả là 3.862.662 đồng.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc đòi bà Nguyễn Thu H trả số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trả góp số KHT.CN.597.061015 ngày 06/10/2015.

Buộc bà Nguyễn Thu H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 29/8/2022 là 40.312.717 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm mười hai nghìn, bảy trăm mười bảy đồng), gồm: nợ gốc là 24.791.667 đồng (Hai mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 5.133.337 đồng (năm triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 10.387.713 đồng (Mười triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thu H phải chịu 2.015.635 đồng (Hai triệu, không trăm mười lăm nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 986.210 đồng (Chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm mười đồng) theo biên lai thu số 0049561 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2.4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh